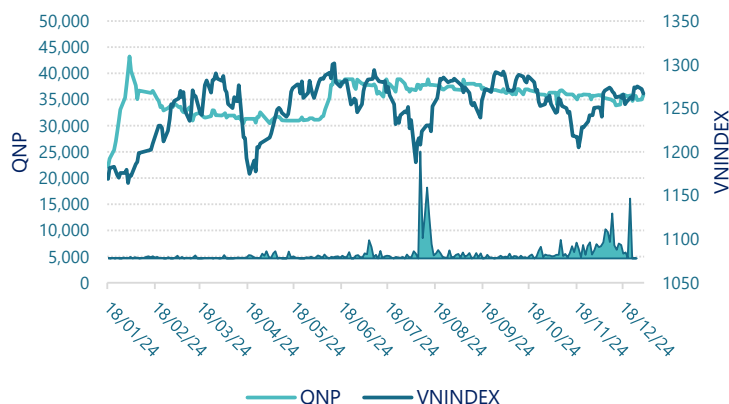


CTCP Cảng Quy Nhơn (HSX: QNP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	35,850
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	43,232
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	22,148
SL cổ phiếu LH	40,409,950
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,005
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,449
P/E	11.3
EPS	3,173

DT thuần

Q4/24

255

tỷ VNĐ

QoQ: ▼40.0 | -13.6%

YoY: ▲12.0 | 4.9%

LN sau thuế

Q4/24

27.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲2.10 | 8.2%

YoY: ▲4.40 | 19.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

15.7%

+/- YoY: ▼0.3%

DT thuần

2024

1,158

tỷ VNĐ

YoY: ▲220 | 23.4%

LN sau thuế

2024

128

tỷ VNĐ

YoY: ▲13.0 | 11.3%

ROE

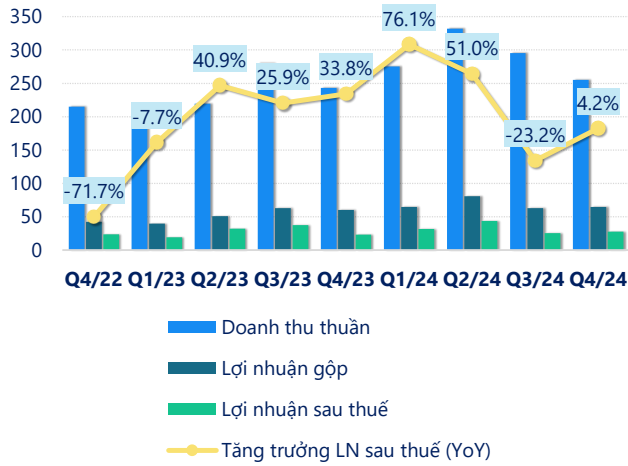
2024

15.0%

+/- YoY: ▲0.7%

tỷ VNĐ

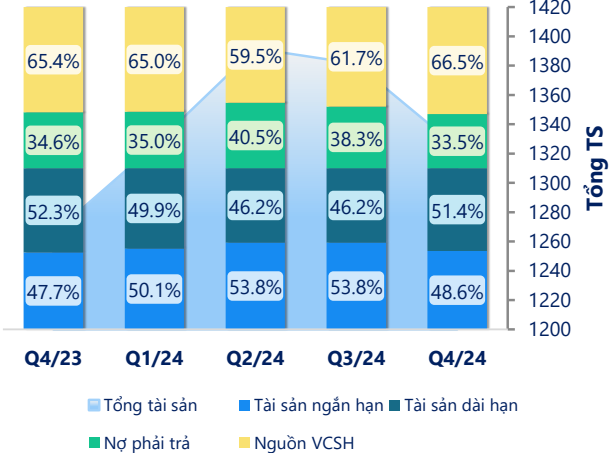
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

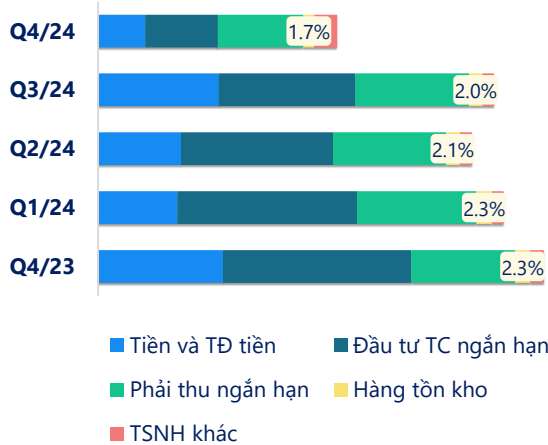
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



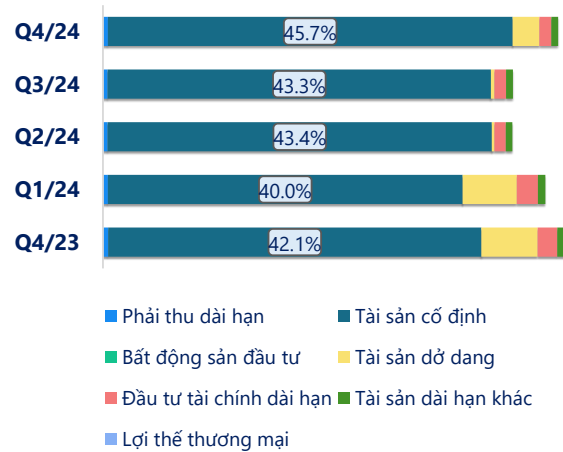
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

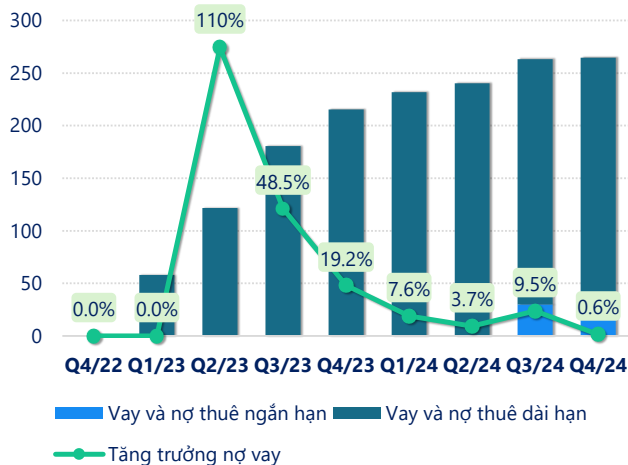
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

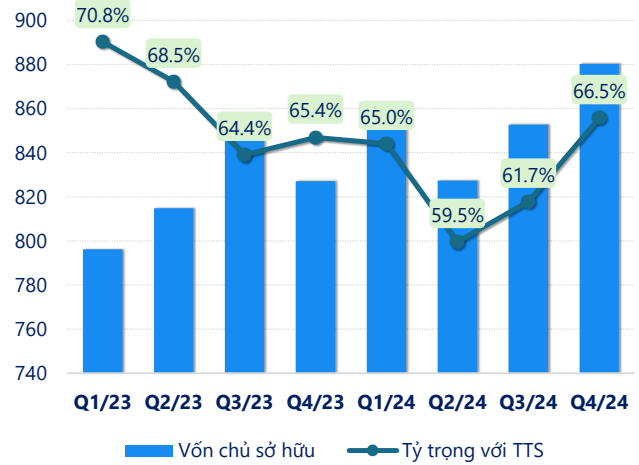
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

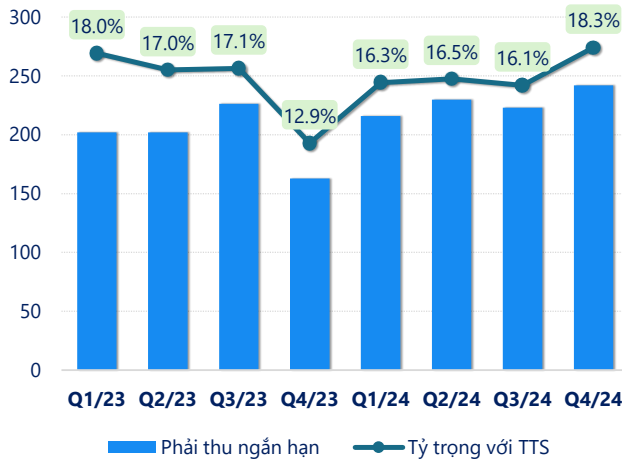
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



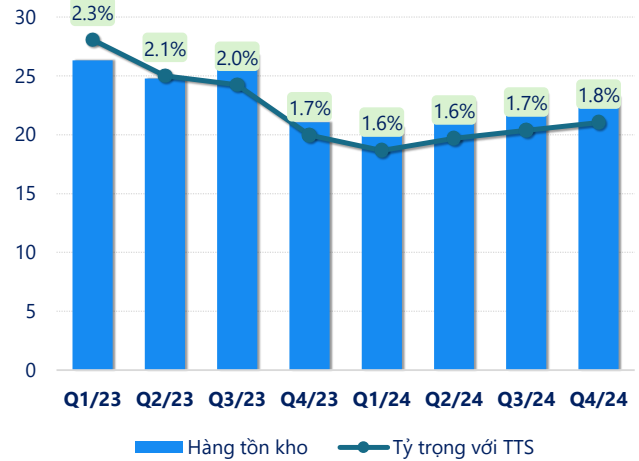
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


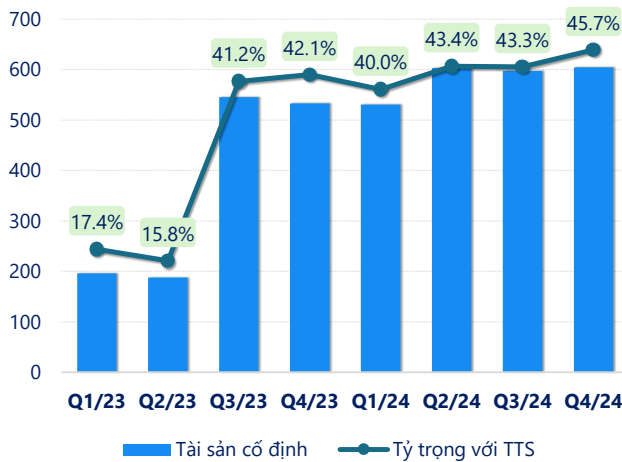
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


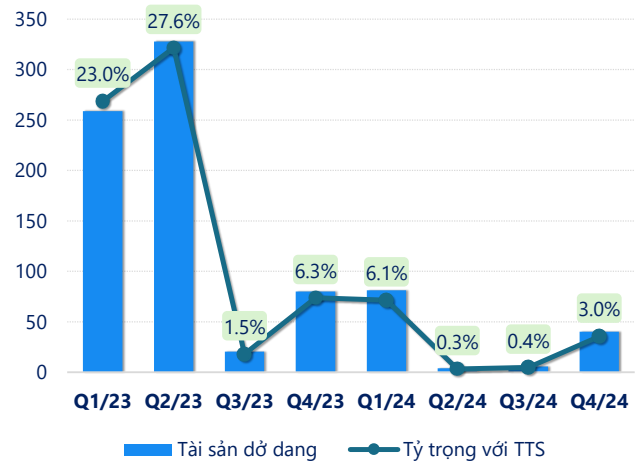
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

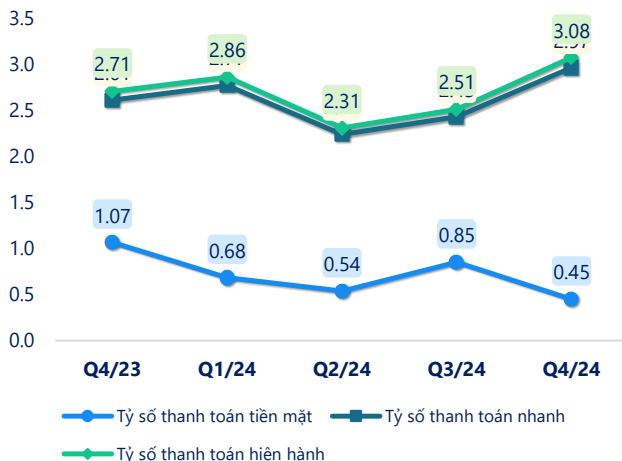
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

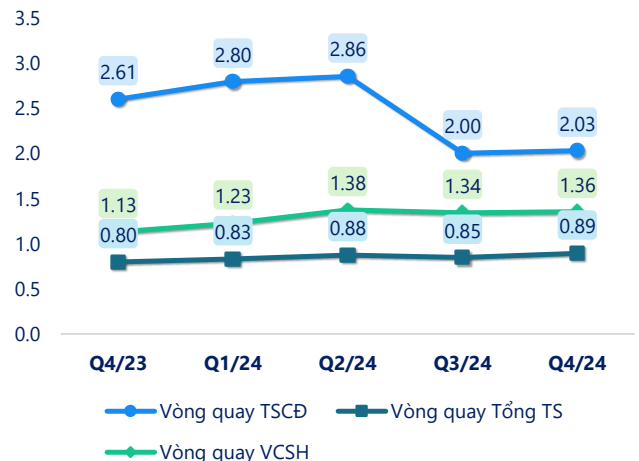
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	1,265	1,325	1,392	1,381	1,324
Tài sản ngắn hạn	604	664	749	743	644
Tiền và tương đương tiền	238	158	174	251	93.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	139	249	309	236	268
Phải thu ngắn hạn	163	216	230	223	242
Hàng tồn kho	21.0	20.6	22.8	23.4	23.2
Tài sản ngắn hạn khác	43.7	20.5	13.6	9.19	17.2
Tài sản dài hạn	662	661	643	639	680
Phải thu dài hạn	7.35	7.35	7.35	7.35	7.35
Tài sản cố định	533	531	603	597	605
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	79.9	81.1	3.89	5.54	40.2
Đầu tư tài chính dài hạn	28.3	31.3	18.0	18.0	18.0
Tài sản dài hạn khác	13.1	11.1	10.3	10.4	10.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	438	464	564	529	444
Nợ ngắn hạn	223	232	324	296	209
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	30.0	30.0
Phải trả người bán ngắn hạn	150	163	169	134	93.0
Nợ dài hạn	215	232	240	233	235
Vay và nợ thuê dài hạn	215	232	240	233	235
Nguồn vốn chủ sở hữu	827	862	827	853	880
Vốn chủ sở hữu	827	862	827	853	880
Vốn điều lệ	404	404	404	404	404
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)